

## TIẾP CẬN KHO TÀNG DI SẢN VĂN BẢN LÁ BUÔNG (*AGAL BAC*) CỦA NGƯỜI CHĂM DƯỚI GÓC NHÌN DÂN TỘC HỌC<sup>1</sup>

TRƯƠNG VĂN MÓN

### 1. Mở đầu

Theo số liệu thống kê năm 2009, người Chăm có số dân là 161.729 người, sinh sống ở nhiều tỉnh, thành phố ở Việt Nam như Ninh Thuận, Bình Thuận, An Giang, Tây Ninh, TP. Hồ Chí Minh. Hiện nay, họ vẫn còn lưu giữ di sản văn hóa vật thể và phi vật thể khá đồ sộ, trong đó có di sản văn bản lá buông (*agal bac*) đang được tu sĩ Chăm độc quyền nắm giữ phục vụ sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo, nghi lễ và hội hè.

Trong những năm gần đây, việc nghiên cứu văn hóa Chăm đã đạt nhiều kết quả đáng khích lệ, đã có khoảng hơn 2.282 sách, tạp chí xuất bản (Nguyễn Hữu Thông, 2003), trong đó có sự đóng góp to lớn của ngành dân tộc học. Đa số các công trình nghiên cứu văn hóa Chăm liên quan đến dân tộc học đều được các nhà khoa học sử dụng phương pháp điền dã, quan sát tham dự, phỏng vấn sâu để nghiên cứu, thu thập tài liệu là chính. Còn một phương pháp nghiên cứu khác cũng

khá quan trọng trong ngành dân tộc học, đó là phương pháp tiếp cận văn bản, xem chứng tích chữ viết của quá khứ để tìm ra đặc trưng văn hóa tộc người (Lê Sĩ Giáo, 2000, tr. 30) nhưng ít được các nhà dân tộc học Việt Nam quan tâm. Phương pháp này nếu được phát huy, sẽ bổ sung thêm cho nguồn tài liệu điền dã dân tộc học, củng cố thêm vững chắc thông tin khoa học mà những nhà dân tộc học đề ra. Cụ thể ở đây, khi nghiên cứu văn hóa Chăm, bên cạnh phương pháp điền dã thì vấn đề tiếp cận thêm nguồn văn bản (bia ký, văn bản lá buông, văn bản giấy) của người Chăm cũng cần phải chú trọng vì những văn bản này chứa đựng nhiều thông tin quý giá, đáng tin cậy về văn hóa Chăm, được người Chăm ghi chép rất lâu đời, liên tục trong lịch sử từ thế kỷ II đến ngày nay (Golzio, 2004, tr. 1). Vì vậy, nếu thiếu mảng tài liệu văn bản này thì những nhà dân tộc học khó có thể lý giải tường tận những vấn đề đang còn bí ẩn trong nền văn hóa Chăm.

Từ những lý do nêu trên, bài viết này bước đầu sẽ giới thiệu sơ lược kho tàng di sản văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm nhằm đóng góp thêm tài liệu cho những nhà dân tộc học nói riêng và những nhà khoa học

<sup>1</sup> Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số IV1.3-2013.04.

liên ngành khác nói chung có hướng tiếp cận, khai thác tư liệu để giải mã và làm sáng tỏ một số vấn đề về văn hóa Chăm trong bối cảnh nghiên cứu quốc tế hiện nay.

## 2. Văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm ở Việt Nam

### 2.1. Chất liệu văn bản lá buông (*agal bac*)

Lá buông được cư dân Nam Á như người Tamil, Telugu, Hindi sử dụng để viết kinh tôn giáo từ rất sớm, khoảng thế kỷ V TCN ([http://en.wikipedia.org/wiki/Palm-leaf\\_manuscript](http://en.wikipedia.org/wiki/Palm-leaf_manuscript)). Về sau các dân tộc Đông Nam Á chịu ảnh hưởng văn minh Ấn Độ như người Java, Indonesia, Khơ-me ở Campuchia, người Thái ở Thái Lan và người Chăm ở Việt Nam đều sử dụng lá buông để chép kinh tôn giáo.

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, “văn bản lá buông” hay “kinh viết trên lá buông người Chăm gọi là “*agal bac*”, còn “lá buông” thuần túy người Chăm gọi là “*hala kadráp* hay *hala lipuel*” (Sakaya, 2014, tr. 331-532). Loại văn bản lá buông mà người Chăm đang còn lưu giữ và sử dụng hiện nay là một loại lá buông *hala kadráp* mọc ở rừng miền Trung Việt Nam có tên khoa học là *Corypha lecomtei* Becc, thuộc họ Cau - Arecaceae. Thân cột trưởng thành của loại cây này cao tới 10m hay hơn, đường kính 40 - 60cm. Lá to, cuống lá dài 8m và hơn, có rãnh sâu, rộng 30cm ở gốc, có mép phủ những răng màu đen, phiến lá dài 4,5m, với khoảng 50 đoạn tách nhau nhiều hay ít, các đoạn giữa dài 2,5m. Cụm hoa hình tháp, dài 2,5m và hơn, có các nhánh hơi trải ra và phân nhánh 3 - 4 lần. Quả hình cầu dạng trứng, tròn ở chóp, dài 4,5cm, đường kính từ 3 - 5cm. Hạt hình cầu, có vỏ dày 2 - 2,5mm, với nội nhũ hóa sừng.

Cây ra hoa vào tháng 3 - 9. Cây này tìm thấy nhiều ở vùng Đông Nam Á và Nam Á. Ở Việt Nam, thường chỉ gặp loại cây này ở rừng đồng bằng từ Đại Lãnh (Quảng Nam - Đà Nẵng) đến Biên Hòa (Đồng Nai), nhiều nhất là Tánh Linh - Bình Thuận và Căn cứ 4 - Đồng Nai. Cây này có đặc tính là lá non màu ngà đen, dùng để đan nhiều đồ đẹp như túi, chiếu, bươm và làm vách phen. Thân cây chứa bột cọ dùng làm bánh, mỗi cây có thể cho tới 20kg. Quả độc dùng để duốc cá, nhất là vào lúc con nước thấp (tháng 3 - 5) cá bắt được dùng muối mà không bị ngộ độc (<http://caythuoc.net/cay-thuoc/1/2206/la-buong.htm>).

### 2.2. Chế tác lá buông và viết chữ trên văn bản lá buông (*agal bac*)

Ngày nay, việc trồng lá buông, chế tác lá buông để chép kinh cúng lễ (*agal bac*) đã thất truyền. Tu sĩ Basaih Quảng Sở, 54 tuổi, ngụ tại Ninh Thuận cho biết:

“Ngày xưa tôi (thầy Basaih Sờ) có bố là thầy Cả sư (Po Adhia) trụ trì đền tháp Po Klaong Girai - Ninh Thuận kể lại cho tôi nghe rằng, lá buông có nhiều loại cây giống khác nhau, mọc trên núi. Lá buông lá mỏng có nhiều gân trồng để lợp nhà, làm chòi nghỉ ở đồng ruộng và lá buông lá dày không có gân, chỉ có ở vùng Tánh Linh - Bình Thuận. Trước khi viết bài kinh, phải chuẩn bị sẵn những tấm lá buông. Muốn có lá buông, ngày xưa, các thầy phải lên núi khai thác hoặc mua lại từ người Ra-glai. Lá buông viết chữ phải chọn loại lá buông non, lá tốt, phơi kỹ để dễ viết, để lâu một không ă. Lá buông chỉ được khai thác vào mùa khô, khoảng tháng 4 lịch Chăm (tháng 6 - 7 Dương lịch). Viết (khắc) chữ trên lá buông, tu sĩ thường dùng một loại bút thép, đầu nhọn. Muốn viết nhanh chữ đậm đẹp thì trước khi viết đầu bút phải được hơ lửa cho

nóng. Khi viết (khắc) xong những nét chữ, dùng mực đen được chế tác bằng than bếp bôi lên trên những nét chữ vừa khắc thì chữ hiện lên màu đen rất rõ; và viết xong trang nào, bôi mực liền trang đó. Muốn viết được chữ trên lá buông phải là người giỏi chữ Chăm, luyện tập thường xuyên, đa số là cả sư Po Adhia hay viết và chép những bài kinh trên lá buông. Hiện nay việc viết chữ trên lá buông đã thất truyền. Tu sĩ Chăm hiện nay chỉ thừa hưởng văn bản lá buông từ ông cha để lại để phục vụ việc cúng tế đền tháp và phong tục khác cho tín đồ Chăm Ahiér (người Chăm ảnh hưởng Balamôn) trong vùng” (Thầy Basaih Quảng Sở, 54 tuổi, ở làng Hiếu Lễ - Phước Hậu - Ninh Phước - Ninh Thuận, ngày 20/2/2014).

### **2.3. Số lượng văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm**

Theo kết quả nghiên cứu của chúng tôi, loại văn bản lá buông (*agal bac*) còn lại không nhiều ở vùng Chăm, trên dưới 50 văn bản, khoảng 4.000 trang do các vị cả sư (Po Adhia, Po Tapah) trụ trì các đền tháp Chăm ở Ninh Thuận và Bình Thuận độc quyền nắm giữ. Những văn bản này có nhiều chủ đề khác nhau, chủ yếu là những bài kinh cúng lễ ở đền tháp. Mỗi bộ kinh thường có khoảng 5 - 7 tập lá buông (*agal bac*) truyền từ đời vị Po Adhia này đến Po Adhia khác.

Ngoài những tập văn bản lá buông (*agal bac*) đang lưu giữ trong cộng đồng Chăm, một số văn bản lá buông (*agal bac*) còn sót lại trong chiến tranh Champa - Đại Việt do người Việt gốc Chăm còn lưu giữ ở Đà Nẵng, Bình Định. Số văn bản này chúng tôi sưu tầm được 4 tập, khoảng 300 trang.

Văn bản lá buông (*agal bac*) Chăm còn có mặt ở các bộ sưu tầm cá nhân, bảo

tàng, viện nghiên cứu. Trước năm 1975, có Linh mục G. Moussay sưu tầm khoảng 20 văn bản lá buông (*agal bac*) từ người Chăm Phan Rí - Bình Thuận và người Chăm ở Campuchia lưu giữ ở Trung tâm Văn hóa Chăm Phan Rang - Ninh Thuận. Sau năm 1975, Việt Nam thống nhất đất nước, ngoài một số bị thất lạc, hiện nay còn hơn 20 văn bản, khoảng 1.000 trang còn lưu giữ ở Trung tâm Nghiên cứu Văn hóa Chăm và Bảo tàng Ninh Thuận và Bình Thuận.

Riêng Viện Viễn đông Bác cổ, thời Pháp thuộc và mãi về sau này, họ chỉ chú ý đến văn bia và sưu tầm văn bản giấy Chăm, bộ văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm họ chưa quan tâm nghiên cứu. Hiện nay, chúng tôi chỉ tìm thấy một văn bản lá buông (*agal bac*) khoảng 30 trang đang lưu giữ trong bộ sưu tầm chữ Chăm tại Thư viện của Đại học Cornell - Hoa Kỳ.

Tổng số văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm vừa liệt kê trên có khoảng 100 văn bản, ước tính khoảng 10.000 trang. Số văn bản này chúng tôi đã sưu tầm, nghiên cứu trong thời gian 20 năm qua (1995 - 2015), nay đã hoàn chỉnh khâu chụp ảnh, scan, lập hồ sơ khoa học, bản phiên âm chữ Latin. Đây là bộ sưu tầm cá nhân đầy đủ nhất về văn bản lá buông (*agal bac*). Đến nay, mặc dù văn bản lá buông (*agal bac*) đã được một số các cơ quan chức năng trong và ngoài nước sưu tầm ít nhiều nhưng chưa có một cơ quan, cá nhân nào sưu tầm đầy đủ và đủ sức đọc, dịch thuật nội dung văn bản nêu trên. Kế hoạch trong năm 2015 - 2016, chúng tôi sẽ hoàn chỉnh bản dịch và công bố di sản văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm Việt Nam đến với độc giả trong và ngoài nước bằng 4 thứ tiếng: Chăm - Latin - Việt - Anh.

**2.4. Hình thức văn bản lá buông Chăm (agal bac)**

Văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm có nhiều kích cỡ khác nhau, kích thước nhỏ nhất là 20cm x 4cm, dài nhất là 50cm x 15cm. Những văn bản này có bì bằng tre hoặc gỗ có khắc hoa văn, dát màu đỏ hoặc để trơn.

Mỗi tập văn bản lá buông (*agal bac*) mà chúng tôi sưu tầm hiện có ít nhất là 13 trang và nhiều nhất trên 180 trang, viết hai mặt. Các trang văn bản đều có đục lỗ nhỏ để khâu chỉ hoặc dây rùng nhỏ để cột dính các trang lại với 2 bì.

Chữ viết trong văn bản chủ yếu là chữ Chăm phổ thông Akhar Thrah mà người Chăm đang sử dụng hiện nay. Dĩ nhiên trong những bài kinh, ngoài lớp từ vựng Chăm (vốn từ Mã Lai - Đa Đảo) còn có tiếng Phạn và tiếng Ả-rập.

Văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm, nếu căn cứ vào chữ viết có thể đoán định chỉ mới xuất hiện từ thế kỷ XVII vì chữ viết trên văn bản lá buông (*agal bac*) là loại Akhar Thrah - loại chữ này xuất hiện lần đầu tiên trên bia ký Po Romé thế kỷ XVII.

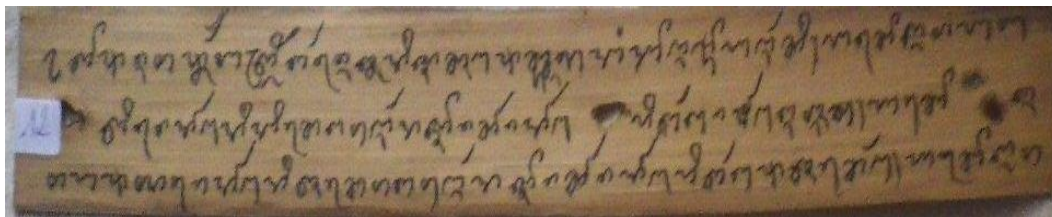
Trước đó, người Chăm thường sử dụng Akhar Rik - một loại Phạn ngữ viết phổ biến trên các bia đá.

**2.5. Cách tiếp cận, nghiên cứu, xử lý văn bản lá buông (agal bac)**

Muốn tiếp cận và nghiên cứu văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm tốt cần có nhiều kỹ năng. Đầu tiên, cần học thông thạo tiếng Chăm, biết thêm tiếng Mã Lai, Phạn ngữ và Ả-rập. Kế đến, làm công tác điền dã dân tộc học, sưu tầm, chụp hình, scan, làm hồ sơ văn bản. Cuối cùng, từ văn bản Chăm phiên âm chữ Latin - dịch thuật sang tiếng Việt và các thứ tiếng khác. Muốn dịch thuật tốt, hiểu hết nội dung văn bản, ngoài kiến thức ngôn ngữ Chăm cần phải có kiến thức dân tộc học, tiến hành điền dã thu thập thông tin trên thực địa để xác định rõ nội dung văn bản. Ngược lại, từ nội dung văn bản có thể kiểm tra những nguồn thông tin, phỏng vấn từ các thông tin viên hoặc diễn trình các nghi lễ tại thực địa. Đây là những thế mạnh của nhà dân tộc học khi nghiên cứu văn bản, khác hẳn với những nhà nghiên cứu văn bản học thuần túy.

Sau đây là một ví dụ, minh chứng về cách sưu tầm, phiên âm, dịch thuật văn bản lá buông (*agal bac*) của chúng tôi (Xem Ảnh 1).

Ảnh 1. Văn bản lá buông (*agal bac*) gốc



Phiên âm Latin:

*Ula mârai mbeng patrei leh luai di anâk mânus [<mânuis] jam ja kuma yakauni, yah nâguray patih daok di jih nâgar kau da-a nao daok bitel ngaok guhun, yah nâguray mariah daok di tâh [<matâh] nâgar kau da-a nao daok bitel matâh cek, yah nâgura ...*

Dịch sang tiếng Việt:

Thần Rắn đến ăn no rồi tha cho người trần đừng đến quấy phá nữa, nếu (xem thiên văn thấy) rồng trắng ngự trị gần biên giới đất nước thì hãy mời lên ngự trị ở vùng cát - sa mạc, nếu rồng đỏ đang ngự trị ở giữa đất nước (chúng ta), xin mời lên ngự trị ở lưng chừng núi<sup>2</sup> (nhằm tránh tai họa cho con người)...

## 2.6. Nội dung văn bản lá buông Chăm (*agal bac*)

Nội dung văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm có nhiều chủ đề khác nhau, viết về nhân sinh quan, vũ trụ quan; lịch pháp; bài kinh cúng lễ đền tháp; những bài cúng về đất đai, nhà cửa, và những loại bùa chú... của người Chăm. Cụ thể như sau:

Văn bản lá buông (*agal bac*) phát hiện ở Đà Nẵng (mã số GDN01, GDN 02, GDN03), ở Bình Định (mã số GBD01) là bộ kinh cúng tế đền tháp viết bằng chữ Chăm - Phạn. Bộ kinh này minh chứng rằng, vương quốc Chăm-pa khi còn trị vì ở Đà Nẵng không chỉ sử dụng Phạn ngữ - một

loại chữ mà người Chăm gọi là Akhar Rik để viết trên bia ký mà còn sử dụng loại chữ phổ thông Akhar Thrah trong văn bản lá buông (*agal bac*) để viết kinh cúng tế đền tháp.

Văn bản lá buông (*agal bac*) mã số GVHCNT 07 ghi chép về lịch pháp của người Chăm (*Sakawi*). Đây là loại văn bản gốc ghi chép khá rõ về lịch Chăm, một nguồn tài liệu đáng tin cậy. Nếu tài liệu này được dịch ra, công bố sẽ góp tư liệu cho việc thống nhất lịch Chăm, vốn đang tranh cãi hàng chục năm nay ở vùng Chăm chưa ổn định và thống nhất.

Văn bản lá buông (*agal bac*) ký hiệu GTVHCNT 02, viết về thiên văn, các vì sao, nhật thực, nguyệt thực, những dấu hiệu của thời tiết, thiên văn ảnh hưởng như thế nào đến sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng, mùa màng, chiến tranh và vận mạng của đất nước, dân tộc. Đây thuộc lĩnh vực thiên văn mà từ xa xưa người Chăm rất nổi tiếng nhưng bị thất truyền, nay còn sót lại một bản duy nhất được ghi lại trong văn bản lá buông (*agal bac*).

Văn bản lá buông (*agal bac*) mã số GVHC11, nói về chu kỳ rồng quay theo hướng quay trái đất để xem phong thủy, định ngày giờ tốt xấu cho việc dựng đền tháp, nhà cửa, hướng ngày giờ xuất hành của vua chúa Chăm-pa. Trong tài liệu này, thống kê người Chăm có nhiều loại rồng: rồng trắng (*ina girai patih*), rồng vàng (*ina girai kanyik*), rồng đỏ (*inâ girai mariah*), rồng đen (*ina girai hitam*)... Văn bản còn viết rất chi tiết từng ngày, giờ nào đầu rồng, đuôi rồng quay theo hướng nào là tốt xấu để dựng nhà cửa, đền tháp, đắp đập. Tài liệu này nếu dịch ra công bố sẽ góp phần làm sáng tỏ “rồng”

<sup>2</sup> Trích trang 12, trong tập văn bản lá buông (*agal bac*) của ông Quảng Đù (Ký hiệu GD02), Phó cả sự trụ trì đền tháp Po Ina Nagar ở Hữu Đức - Ninh Thuận có chủ đề về “*Balih tanâh*” (lễ tẩy uế đất đai đền tháp, nhà cửa).

trong văn hóa Chăm và cư dân Đông Nam Á. Rồng không chỉ bắt nguồn từ Trung Quốc như một số nhận định cổ điển.

Văn bản lá buông (*agal bac*) ký hiệu GVH09 viết về lễ cúng đất đai, về triết lý vũ trụ quan 8 hướng mà người Chăm ảnh hưởng Ấn Độ: Đông (*pur*), Tây (*pay*), Nam (*nailiti*), Bắc (*esan*), Tây Nam (*agrih*), Tây Bắc (*payap*). Nguyên thủy của văn hóa bản địa người Chăm chỉ sử dụng 4 hướng: hướng Đông (hướng mặt trời mọc gọi là *gah aia harei gok*), hướng Tây (hướng mặt trời lặn - *gah aia harei tamâ*), hướng Nam (*gah mraong*) và hướng Bắc (*gah birak*).

Văn bản lá buông (*agal bac*) mã số GD01, GN7 viết về lễ tẩy uế đất đai đền tháp. Mở đầu văn bản viết:

“Nhân danh đấng Shiva cho tôi thực hiện điều này. Tôi bước ra ngoài sân, chân đạp đất, đầu đội trời, tôi thấy con chim thần Garuda (*ina garit*) lia con rồng (*inâ girai*) bay qua biển lớn, da (rồng) bị lột ra, rớt xuống trần gian thành ô/dù vàng, nước miếng (rồng) rơi xuống đất thành mạch nước nguồn, thành sông, thành suối, xương rồng rơi xuống thành núi cao, rừng rậm”<sup>3</sup>...

Văn bản này dài 111 trang, nhắc đi nhắc lại hai vật linh tiêu biểu của văn hóa phương Đông: chim thần Garuda biểu tượng văn hóa Ấn Độ và rồng biểu tượng cho văn hóa Trung Hoa và các dân tộc Đông Nam Á, nay xuất hiện trong văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm. Kinh cúng tế

mang màu sắc huyền thoại Ấn Độ, tôn vinh đấng Shiva và chim thần Garuda.

Văn bản ký hiệu GVHCNT 02 và GVHCNT 03 hướng dẫn chi tiết về tục cúng tế đền tháp cho tu sĩ Chăm như: lễ cúng mở cửa tháp (*peh mbeng yang*), lễ cúng thần lửa (*yuer yang*), lễ Katé (*katé*), lễ cúng nữ thần (*cambur*). Đặc biệt, trong lễ cúng thần lửa (*yuer yang*), văn bản hướng dẫn bài cúng rõ ràng từng nghi thức, lý giải từng biểu tượng trong đồ cúng lễ Balamôn như bò thần Nandin (*limaow kapin*), *abaoh jap* (xâu chuỗi), *adhaong halah* (dao găm), chén dầu dừa (*pangin manyâk li-u*), hoa 4 cánh - còn gọi là hoa Chăm-pa (*bingu pak coh*)... Trong cúng tế đền tháp, những vật trên thường đặt trong một giỏ đan bằng tre gọi là *Baginrac* do thầy cả sư (Po Adhia) giữ và xem là vật bất ly thân của vị cả sư khi thực hiện lễ nghi. Trong lúc cúng lễ, vị cả sư (Po Adhia) Chăm thường cầm những vật lễ nêu trên, kèm theo những động tác như vỗ tay, vẽ hình bùa trên đất, trên không, kèm theo những lời kinh lẩm bẩm trong miệng. Do vậy, một số nhà dân tộc học, nhà nghiên cứu văn hóa, khi nghiên cứu nghi lễ Chăm, không có cơ hội tiếp xúc với bộ kinh này, chỉ nghe qua lời giải thích của các cộng tác viên nên không hiểu hết được những ý nghĩa, biểu tượng trong nghi thức lễ nêu trên. Vì thế, những nhà nghiên cứu thường dùng cụm từ “những động tác ma thuật” để chỉ những động tác cúng tế trong nghi thức lễ trên. Thật ra, những động tác và những vật dùng cúng lễ ấy được ghi chép rõ trong kinh lá buông (*agal bac*). Đó không phải là “những động tác ma thuật” mà là những vật lễ mang biểu tượng của thần Shiva; những đoạn kinh tu sĩ đọc là kinh cầu thần Shiva - vị thần tối cao

<sup>3</sup> Khi cúng lễ, vào lúc nửa đêm, thầy cúng cầm gậy thần (*gai drâng*) đi xung quanh vùng đất được tẩy uế đọc kinh này.

được người Chăm thờ cúng, cầu nguyện trước khi cúng các vị thần linh và những vị vua Chăm. Đọc hết văn bản lá buông (*agal bac*) này sẽ hiểu hết được những biểu tượng trong nghi lễ cúng tế đền tháp của người Chăm ảnh hưởng Balamôn như thế nào.

Đó là một số nội dung, chủ đề cơ bản trong kho tàng di sản văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm có liên quan đến lĩnh vực dân tộc học mà chúng tôi muốn giới thiệu sơ lược trong bài viết này.

### 3. Kết luận

Văn bản lá buông không chỉ có ở người Chăm mà phổ biến ở nhiều dân tộc khác ở Đông Nam Á. Từ kết quả nghiên cứu nêu trên, chúng tôi nhận thấy văn bản lá buông (*agal bac*) của người Chăm chứa đựng nhiều nội dung phong phú, có thể giúp các nhà khoa học giải mã được một số vùng mờ về văn hóa Chăm, cụ thể là về lịch pháp, thiên văn, triết lý âm dương, tín ngưỡng, tôn giáo, nghi lễ và hội hè. Hơn nữa, nội dung văn bản lá buông (*agal bac*) trên còn chỉ ra mối quan hệ giữa văn hóa Chăm (Chămpa) với văn hóa Ấn Độ, Việt Nam và Trung Quốc.

### Tài liệu tham khảo

1. Phan Xuân Biên, Phan An, Phan Văn Dốp (1991), *Văn hóa Chăm*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.

2. Gaguritan (2012), *Dampati Lalangon*, Seri Lontar Bali.

3. Lê Sĩ Giáo (Chủ biên) (2000), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

4. Golzio, Karl-Heinz (2004), “Bia Võ Cảnh”, trong: *Inscription of Campa*, Shaker Verlag Aachen press, printed in Germany.

5. I gusti made Sutjaja (2005), *Satua Bali: Tales from Bali*, Edisi Kedua (Second Edition), Lotus, Widya suari.

6. I gusti made Widia (2007), *Kakawin of Ramayana, song of Adventure: Kawi*, Ingeris, Indonesia, Bali.

7. Hefner, Robert W. (1989), *Hindu Javanese - Tengger Traditional and Islam*, Princeton University Press, Princeton New Jersey.

8. Hooykaas, C. (1977), *A Balinese Temple Festival*, The Hague, Martinus Nijhoef.

9. Sakaya (2014), *Từ điển Chăm - Việt - Anh; Việt - Chăm - Anh*, Nxb Tri thức, Hà Nội.

10. Nguyễn Hữu Thông (2003), *Tổng thư mục Champa*, Nxb Thuận Hóa.

11. Đặng Nghiêm Vạn (Chủ biên) (2000), *Dân tộc học đại cương*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.